CHAPTER 11

1.A freeze-frame is generated on an OBD-II (On-Board Diagnostics II) vehicle when a type A or B diagnostic trouble code is set. Therefore, the correct option is:

b. When a type A or B diagnostic trouble code is set.

"Khung hình đóng băng được tạo ra trên một phương tiện OBD-II (Diagnostics II trên bảng điều khiển) khi một mã lỗi chẩn đoán loại A hoặc B được đặt. Do đó, lựa chọn đúng là:

b. Khi một mã lỗi chẩn đoán loại A hoặc B được đặt"

2. An ignition misfire or fuel mixture problem is an example of a Type B Diagnostic Trouble Code. Therefore, the correct option is:

b. Type B

Sự cố đánh lửa sai hoặc hỗn hợp nhiên liệu là một ví dụ về Mã lỗi chẩn đoán loại B. Vì vậy, phương án đúng là:  
  
b. Loại B

3. The comprehensive component monitor checks computer-controlled devices for:

d. All of the above

It checks for opens, shorts-to-ground, and rationality issues in computer-controlled devices.

Màn hình thành phần toàn diện sẽ kiểm tra các thiết bị do máy tính điều khiển để:  
  
d. Tất cả những điều trên  
  
Nó kiểm tra các vấn đề về mở, nối đất và tính hợp lý trong các thiết bị được điều khiển bằng máy tính.

4. OBD-II (On-Board Diagnostics II) has been on all passenger vehicles in the United States since 1996. Therefore, the correct answer is:

c. 1996

Hệ thống Chẩn đoán Trên xe II (On-Board Diagnostics II) đã có mặt trên tất cả các phương tiện chở khách tại Hoa Kỳ từ năm 1996. Vì vậy, câu trả lời đúng là:

c. 1996

5. A continuous monitor is a type of On-Board Diagnostics (OBD-II) monitor that constantly checks for the proper operation of specific components or systems. Among the options provided:

c. Oxygen sensor monitor

The oxygen sensor monitor is an example of a continuous monitor. It continuously checks the performance of the oxygen sensor

Màn hình liên tục là một loại màn hình Chẩn đoán trên xe (OBD-II) liên tục kiểm tra hoạt động đúng của các bộ phận hoặc hệ thống cụ thể. Trong số các tùy chọn được cung cấp:

c. Màn hình cảm biến oxy

Màn hình cảm biến oxy là một ví dụ về màn hình liên tục. Nó liên tục kiểm tra hiệu suất của cảm biến oxy

6. DTC P0302 is a \_\_\_\_\_\_\_\_ .

a. Generic DTC

b. Vehicle manufacturer–specific DTC

c. Idle speed–related DTC

d. Transmission/transaxle-related DTC

DTC P0302 là \_\_\_\_\_\_\_\_.

Một. DTC chung

b. DTC dành riêng cho nhà sản xuất xe

c. DTC liên quan đến tốc độ không tải

d. DTC liên quan đến hộp số/hộp số

DTC P0302 is a generic Diagnostic Trouble Code (DTC). Specifically, it indicates a misfire detected in cylinder 2. Generic DTCs are standardized codes used across different vehicle makes and models.

DTC P0302 là Mã lỗi chẩn đoán chung (DTC). Cụ thể, nó cho biết phát hiện cháy sai ở xi lanh 2. DTC chung là các mã tiêu chuẩn được sử dụng trên các kiểu dáng và nhãn hiệu xe khác nhau.

7. Global (generic) OBD-II diagnostic trouble codes (DTCs) are typically expressed in hexadecimal format. Therefore, the correct answer is:

b. Hexadecimal

Mã lỗi chẩn đoán (DTC) toàn cầu (chung) thường được biểu thị ở định dạng thập lục phân. Vì vậy, câu trả lời đúng là:

b. thập lục phân

8. The diagnostic trouble code (DTC) that could indicate a loose or defective gas cap is:

c. P0442

Mã lỗi chẩn đoán (DTC) có thể cho biết nắp xăng bị lỏng hoặc bị lỗi là:

c. P0442

9. The computer will automatically clear a Diagnostic Trouble Code (DTC) if there are no additional detected faults after:

c. Two consecutive trips

Máy tính sẽ tự động xóa Mã lỗi chẩn đoán (DTC) nếu không có lỗi nào được phát hiện thêm sau:

c. Hai chuyến đi liên tiếp

10. A pending code is set when a fault is detected on:

a. A one-trip fault item

A pending code indicates that a fault has been detected, but the diagnostic system is waiting to confirm the issue during subsequent driving cycles before setting a permanent diagnostic trouble code (DTC).

Mã đang chờ xử lý được đặt khi phát hiện lỗi trên:

Một. Một mục lỗi một chuyến

Mã đang chờ xử lý cho biết đã phát hiện thấy lỗi nhưng hệ thống chẩn đoán đang chờ xác nhận sự cố trong các chu kỳ lái xe tiếp theo trước khi đặt mã lỗi chẩn đoán vĩnh viễn (DTC).

P0100—Air metering and fuel system fault

P0200—Fuel system (fuel injector only) fault

P0300—Ignition system or misfire fault

P0400—Emission control system fault

P0500—Idle speed control, vehicle speed (VS) sensor fault

P0600—Computer output circuit (relay, solenoid, etc.) fault

P0700—Transaxle, transmission faults

P0100—Lỗi đo không khí và hệ thống nhiên liệu

P0200—Lỗi hệ thống nhiên liệu (chỉ kim phun nhiên liệu)

P0300—Lỗi hệ thống đánh lửa hoặc đánh lửa sai

P0400—Lỗi hệ thống kiểm soát khí thải

P0500—Điều khiển tốc độ không tải, lỗi cảm biến tốc độ xe (VS)

P0600—Lỗi mạch đầu ra máy tính (rơle, điện từ, v.v.)

P0700—Hộp số, lỗi hộp số